

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 98/TTr-SNN ngày 25/5/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm công khai nội dung cụ thể của các thủ tục hành chính có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai thủ tục hành chính tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

**Nơi nhận:** *th*

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Hưng Yên;
- Trung tâm TT - HN tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC&KSTT<sup>Thảo</sup> *th*

**CHỦ TỊCH**



*Trần Quốc Văn*

**Trần Quốc Văn**

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên  
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên  
Thời gian ký: 03/06/2022 13:17:01

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1206 /QĐ-UBND ngày 03 / 6 /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên)

**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CẤP TỈNH**

| STT | Tên thủ tục hành chính (TTHC)                   | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung   | Nội dung sửa đổi, bổ sung  | Địa điểm thực hiện  | Lệ phí, phí | Ghi chú  |
|-----|---|---|--|---|-------------|--|
| 1   | Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ | Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ. | TTHC sửa đổi, bổ sung: thời hạn giải quyết; kết quả thực hiện TTHC; thành phần, số lượng hồ sơ.<br>- Thành phần, số lượng hồ sơ:<br>+ 01 bản chính đề nghị phân loại doanh nghiệp ban hành kèm theo Mẫu số 01 kèm theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Mẫu 01 kèm theo). | Nộp hồ sơ và nhận kết quả: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Hưng Yên.<br>(Địa chỉ: đường Sơn Nam, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên) | Không       | - Số hồ sơ TTHC: 3.000160.<br>- TTHC được sửa đổi có số thứ tự 1, mục I (Lĩnh vực Lâm Nghiệp), Phần A Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên. |

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  | <p>+ 01 bảng kê khai phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ theo Mẫu số 08 Phụ lục I kèm theo Nghị định 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ Quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. (có Mẫu số 08 kèm theo).</p> <p>+ 01 bản phô tô hoặc bản chụp tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ.</p> <p>+ 01 sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT</p> |  |  |
|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |   |  |  |  |
|--|--|--|---|--|--|--|
|  |  |  | <p>Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian thực hiện</li><li>+ Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc.</li><li>+ Trường hợp phải xác minh: 14 ngày làm việc.</li><li>- Kết quả thực hiện TTHC:</li><li>+ Thông báo kết quả phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li><li>+ Công bố kết quả trên trang thông tin điện tử <a href="http://www.kiemlam.org.vn">www.kiemlam.org.vn</a> đối với doanh nghiệp được phân loại Nhóm I.</li></ul> |  |  |  |
|--|--|--|---|--|--|--|